

Mã SV	Họ Tên	P Ng	Bản	Bản	Bản	Giá Lý
		h ày	sao	sao	sao	y c lịch
		ái Sin	Bản	GK	am	HS
		h học	g T	Sin	kết	SV
		bạ	NP	h	PV	
			TT	N		
			H			
K35. Lê Thị	Bìn	1 710	X			
754. Hải	h	91				
001						
K35. Hứa	Du	1 271	X			
754. Kim	ng	091				
002						
K35. Trần	Du	1 201				
754. Yên	ng	188				
003						
K35. Võ Thị	Du	1 110				
754. Thùy	ng	290				
004						
K35. Lý	Du	1 711				
754. Phương	ng	89				
005						
K35. Phan	Hà	1 200	X			
754. Thị	ng	291				
007 Bích						
K35. Trần	Hạ	1 270	X			
754. Thị Mỹ	nh	491				
008						
K35. Vũ	Hải	1 140	X		CK	
754. Duyên		391			MT	
009						
K35. Trần	Hu	0 190	X			
754. Đức	y	591				
011						
K35. Ngân	Ké	1 206	X			
754. Sìn	n	91				
012						
K35. Châu	Khi	0 704	X			
754. Minh	ền	91				
013						
K35. Huỳnh	Ki	1 503	X		CK	
754. Tuyết	m	91			MT	
014						
K35. Huỳnh	Kỳ	1 260	X		CK	
754. Ngọc		891			MT	
015						
K35. Vòng	Lin	1 120			CK	
754. Mỹ	h	590			MT	
016						
K35. Lào Mỹ	Lin	1 290	X			

754.	h	989		
017				
K35. Phạm	Lin	1 120	X	CK
754. Thị	h	891		MT
018 Thùy				
K35. Phạm	Lin	1 100	X	CK
754. Ngọc	h	791		MT
019 Phương				
K35. Lương	Lon	0 140		CK
754. Đại	g	288		MT
020				
K35. Nguyễn Mai		1 220	X	CK
754. Thanh		291		MT
021				
K35. Cù Thị Mai		1 300	X	
754. Tuyết		691		
022				
K35. Khúc	My	1 170	X	
754. Thoại		191		
023				
K35. Huỳnh	Ng	1 401	X	
754. Tịnh	hi	91		
024				
K35. Liêu	Nhi	1 190	X	
754. Mỹ		891		
025				
K35. Tô	Pho	0 110		
754. Khoẻ	ng	189		
026				
K35. Lầy	Phù	1 301	X	CK
754. Khiên	ng	291		MT
027				
K35. Vương	Qu	1 160	X	
754. Uyển	ân	791		
028				
K35. Giang	San	1 280	X	CK
754. San		791		MT
029				
K35. Nguyễn Tân		1 300	X	
754. Ngọc	m	791		
030 Thanh				
K35. Phan	Tân	1 409	X	CK
754. Nguyễn m		91		MT
031 Hồng				
K35. Tăng	Tài	0 206		
754. Thành		88		
032				
K35. Tăng LêTha		1 271	X	
754.	nh	091		
033				

K35.Đoàn	Tha	1 170	X	
754. Phối	nh	589		
034				
K35. Huỳnh	Tri	1 101	X	
754. Trung	nh	090		
035				
K35. Trần	Trú	1 170		CK
754. Thị	c	390		MT
036	Phương			
K35. Lê	Vy	1 101	X	CK
754. Nguyễn		191		MT
037	Thanh			
K35. Lâm	Yế	1 191	X	
754. Toàn	n	091		
038				
K35. Huỳnh	Yế	1 260		
754. Lệ	n	883		
040				